

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 550/2022/KDTM-PT

Ngày: 06/9/2022

V/v tranh chấp hợp đồng gia công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhân

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Bích Thảo

Bà Vũ Thị Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Oanh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Liệu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 8 và ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 65/2022/TLPT-KDTM ngày 07/7/2022 về việc: “tranh chấp hợp đồng thi công”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2022/KDTM-ST ngày 07 tháng 04 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 4276/2022/QĐXX-PT ngày 02 tháng 8 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10976/2022/QĐPT-KDTM ngày 18/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X; địa chỉ trụ sở: Số 51 Đường số 67, Tổ 2, Khu phố H, Khu dân cư Đ, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1983; địa chỉ: 480/34 CMT8, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 16/8/2022) – có mặt

Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T; địa chỉ trụ sở: Số 71 Đường số 27 Khu dân cư Đ, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T là đại diện theo pháp luật – có mặt ngày 08/8/2022; bà Nguyễn Thị T là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 01/6/2020) – có mặt ngày 06/9/2022;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH Đầu tư địa ốc P; địa chỉ trụ sở: Số 24 đường K, phường K, Quận M, Tp.HCM.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1979 – là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 23/UQ-CTL-PC ngày 26/6/2020) – vắng mặt.

Người kháng cáo: Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 02/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X (sau đây viết tắt là công ty X) và Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T (sau đây viết tắt công ty Kiến trúc T) có ký Hợp đồng thi công số 008-17/HĐTC/TRI-L16 ngày 03/7/2017 để thi công hoàn thiện mặt đứng văn phòng công ty X (sau đây gọi tắt là hợp đồng). Giá trị hợp đồng bao gồm VAT là 2.465.799.930 đồng, công việc gồm “cung cấp vật tư thiết bị, nhân công và thực hiện thi công hoàn thiện mặt đứng văn phòng công ty tại địa chỉ biệt thự đơn lập L16 khu dân cư Cityland Reverside – quận 7 – TP.HCM”. Công ty Kiến trúc T đã thực hiện xong nội dung công việc theo hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng do có phát sinh trong công việc nên các bên có ký các Phụ lục hợp đồng điều chỉnh phát sinh tăng giảm theo thực tế, công ty X đã thanh toán tổng cộng là 2.630.816.212 đồng (trong đó có số tiền 100.000.000 đồng công ty X hỗ trợ do thi công kéo dài) và công ty Kiến trúc T đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng với số tiền là 2.630.816.217 đồng.

Do công ty Kiến trúc T từ chối thực hiện nghiệm thu công trình để thanh, quyết toán theo khoản 6.3 Điều 6 và Điều 21 của Hợp đồng nên phát sinh tranh chấp. Công ty X khởi kiện yêu cầu Tòa án: Buộc công ty Kiến trúc T phải thực hiện nghiệm thu, đo đạc hạng mục công trình thực tế; cụ thể là xác định khối lượng thi công thực tế của hạng mục đá ốp mặt tiền (đá ốp tường ngoài tầng trệt) và đá chỉ đầu cửa (chỉ cong) của công trình để tính ra số tiền còn lại phải thanh, quyết toán; Yêu cầu công ty Kiến trúc T phải có văn bản xin lỗi công ty X vì đã có hành vi văn bản đòi nợ công ty X đến những công ty khác là ảnh hưởng uy tín của công ty X.

Tại phiên tòa sơ thẩm công ty X xác định yêu cầu như sau:

- Rút lại yêu cầu công ty Kiến trúc T phải có văn bản xin lỗi đối với công ty X và gửi văn bản đính chính và xin lỗi tới các địa điểm mà trước đây công ty Kiến trúc T đã gửi thư đòi nợ công ty X.

- Căn cứ Kết luận kiểm định số 20235/GV.32/SCQC ngày 01/03/2021 của Công ty Kiểm định Xây dựng Sài Gòn: yêu cầu công ty Kiến trúc T phải đưa

vào hồ sơ quyết toán khối lượng đã thi công thực tế (phát sinh giảm) để xác định số tiền còn lại các bên thanh, quyết toán. Cụ thể yêu cầu trừ phần giá trị khối lượng đá ốp tường ngoài tầng trệt (thi công thực ít hơn hợp đồng là 132,83m² tương đương số tiền 225.811.000 đồng), trừ phần giá trị đá chỉ đầu cửa (không thi công theo hợp đồng là 66.000.000 đồng), tổng cộng số tiền phát sinh giảm phải đưa vào hồ sơ quyết toán là 291.811.000 đồng. Số tiền còn lại công ty X đồng ý thanh toán cho công ty Kiến trúc T là (300.869.800đ – 291.811.000đ) = 9.058.800 đồng.

Tại Đơn phản tố ngày 27/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Công ty Kiến trúc T xác nhận việc giao kết hợp đồng thi công và đã hoàn thành xong công việc, công ty X đã thanh toán tổng cộng là 2.630.816.212 đồng như lời trình bày của phía công ty X. Quá trình thi công đã phát sinh tăng giảm một số hạng mục với giá trị phát sinh còn lại chưa thanh toán: 341.315.820 đồng. Căn cứ vào hợp đồng, các hạng mục phát sinh (tăng giảm) phía công ty Kiến trúc T đã gửi các hồ sơ quyết toán đến công ty X để ký nhưng phía công ty X yêu cầu nghiệm thu thanh toán theo khối lượng thi công thực tế tại công trình nên phát sinh tranh chấp.

Với yêu cầu khởi kiện của công ty X, công ty Kiến trúc T không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì các lý do sau:

- Hình thức của hợp đồng (các bên thỏa thuận tại khoản 8.1 Điều 8 của Hợp đồng thi công): hợp đồng là trọn gói. Theo đó, bên chủ nhà sẽ thanh toán từng đợt cho đến khi thanh toán hết toàn bộ giá trị hợp đồng nếu bên B thi công theo nội dung hợp đồng (không đo đạc lại khối lượng thực tế đã thực hiện). Công ty Kiến trúc T đã thực hiện thi công đúng theo hợp đồng, công ty X đã đưa công trình vào sử dụng; do đó công ty X phải thanh toán số tiền còn lại chưa thanh toán theo hợp đồng.

- Theo biên bản họp ngày 31/12/2019, hai bên đã thống nhất thực hiện 03 nội dung:

- + Công ty Kiến trúc T phải xuất cho công ty X toàn bộ hóa đơn giá trị gia tăng đối với số tiền đã thanh toán thi công đã nhận; công ty Kiến trúc T đã thực hiện đúng theo thỏa thuận.

- + Công ty Kiến trúc T phải gửi hồ sơ nghiệm thu cho công ty X; Công ty Kiến trúc T đã thực hiện, gửi cho Công ty X hồ sơ quyết toán;

- + Trước ngày 15/01/2020, công ty X có văn bản yêu cầu bố T nhân sự để nghiệm thu nhưng công ty Kiến trúc T không nhận được văn bản mời nghiệm thu này.

Công ty Kiến trúc T có yêu cầu phản tố với công ty X và tại phiên tòa sơ thẩm công ty Kiến trúc T xác định cụ thể như sau:

- Yêu cầu công ty X phải thanh toán số tiền còn lại của hợp đồng là 300.869.800 đồng và tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 16/01/2020 (15 ngày sau khi công ty X ký nhận hồ sơ quyết toán công trình) đến ngày 31/3/2022 là 806 ngày, theo mức lãi suất là 8,8%/năm số tiền là 58.465.628 đồng. Tổng cộng số tiền yêu cầu công ty X phải trả là $(300.869.800đ + 58.465.628đ) = 359.335.428$ đồng.

- Yêu cầu công ty X phải thanh, quyết toán Hợp đồng số 008-17/HĐTC-TRI-L16 ngày 03/7/2017 theo hợp đồng các bên đã ký kết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc P có ông Nguyễn Ngọc H là người đại diện hợp pháp trình bày và yêu cầu như sau:

Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc P là chủ đầu tư khu dân cư Cityland Reverside – quận 7 – TP.HCM, trong đó có căn biệt thự đơn lập L16 đã bán cho Công ty X. Việc thực hiện hợp đồng thi công giữa công ty X và công ty Kiến trúc T thì công ty TNHH Đầu tư Địa ốc P không can thiệp. Công ty TNHH Đầu tư Địa ốc P không có ý kiến gì đối với kết luận kiểm định công trình, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện, phản tố; công ty cũng không có yêu cầu gì đối với các bên đương sự. Đề nghị vắng mặt trong các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử.

Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 25/2022/KDTM-ST ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X đối với bị đơn Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T: Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T phải tính phát sinh giảm vào Bảng tổng hợp giá trị phát sinh của Hồ sơ quyết toán; khấu trừ khối lượng đá ốp tường ngoài tầng trệt (thi công thực ít hơn hợp đồng là $132,83m^2$ tương đương số tiền 225.811.000 đồng), khấu trừ đá chỉ đầu cửa (không thi công theo hợp đồng là 66.000.000 đồng); tổng cộng số tiền phát sinh giảm phải đưa vào hồ sơ quyết toán là 291.811.000 đồng. Số tiền còn lại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X phải thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T là $(300.869.800đ - 291.811.000đ) = 9.058.800$ (chín triệu, không trăm năm mươi tám ngàn, tám trăm) đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T phải có văn bản xin lỗi đối với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X vì đã có hành vi gửi văn bản đòi nợ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X đến Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới H, làm ảnh hưởng uy tín của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X trong kinh doanh và yêu cầu công ty T gửi văn bản đính chính và xin lỗi tới các Công ty, địa điểm mà trước đây Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T đã gửi thư đòi nợ.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T đối với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X: Buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X phải thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T số tiền là 9.058.800 đồng. Ngay sau khi công ty X thanh toán số tiền 9.058.800 đồng, Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T phải xuất hóa đơn VAT cho Công ty X đối với số tiền này.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T đối với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X phải chịu tiền lãi do chậm thanh toán theo là 58.465.628 đồng.

5. Căn cứ theo Hợp đồng thi công số 008-17/HĐTC/TRI-L16 ngày 03/7/2017, Công ty Kiến trúc T phải hoàn thành hồ sơ quyết toán thanh lý hợp đồng theo Điều 21 hợp đồng; các bên phải thực hiện thanh quyết toán theo hợp đồng thi công và quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm, ngày 22/4/2022 công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T là bị đơn nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, với lý do cấp sơ thẩm đánh giá không khách quan, tuyên án không đúng các điều khoản đã ký tại khoản 7.3 và khoản 8.1 Điều 8 của hợp đồng đã ký giữa các bên. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty X, chấp nhận yêu cầu phản tố của công ty Kiến trúc T buộc công ty X thanh toán số tiền 300.869.800 đồng và tiền lãi phạt chậm thanh toán là 58.465.628 đồng.

**** Tại phiên tòa Phúc thẩm:***

Đại diện người kháng cáo là bị đơn - công ty Kiến trúc T trình bày: Bản án sơ thẩm tính lại khối lượng thực tế mà không áp dụng trọn gói là không đúng. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của công ty X, cụ thể là không chấp nhận yêu cầu tính phát sinh giảm và khấu trừ khối lượng đá ốp tường ngoài tầng trệt là 132,83m² tương đương số tiền 225.811.000 đồng và đá chỉ đầu cửa là 66.000.000 đồng; căn cứ là quy định tại khoản 8.1 Điều 8, khoản 20.1 Điều 20 của hợp đồng thi công hai bên ký với nhau là theo hình thức “trọn gói” và quy định của pháp luật là tại Điều 62 Luật Đấu thầu và nghị định 63/2014/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu. Đồng thời đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của công ty Kiến trúc T, yêu cầu công ty X thanh toán số tiền 300.869.800 đồng và tiền lãi phạt chậm thanh toán là 58.465.628 đồng theo quy định tại khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng. Những nội dung khác của bản án sơ thẩm đã tuyên công ty Kiến trúc T không kháng cáo và không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ mới, những tài liệu được nộp kèm đơn kháng cáo là những tài liệu đã được nộp tại cấp sơ thẩm và những tài liệu được photo từ trong hồ sơ.

Đại diện nguyên đơn công ty X trình bày: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo và lập luận của bị đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung: Xét đơn kháng cáo còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức đúng quy định. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của hợp đồng thi công; Khoản 1 Điều 138; điểm b, điểm c khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 140 Luật Xây dựng thì hợp đồng các bên ký với nhau là hợp đồng xây dựng, hình thức là “trộn gói”; Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 có giải thích, hướng dẫn về hợp đồng trộn gói như điều kiện áp dụng, giá hợp đồng và nguyên tắc thanh toán hợp đồng trộn gói là “không đòi hỏi phải có xác nhận khối lượng chi tiết” (tại khoản 1 và khoản 5 Điều 19 Nghị định 37), nên việc cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải tính phát sinh giảm vào Bảng tổng hợp giá trị phát sinh của Hồ sơ quyết toán; khấu trừ khối lượng đá ốp tường ngoài tầng trệt là 132,83m² tương đương số tiền 225.811.000 đồng là không có căn cứ nên đề nghị chấp nhận một phần nội dung kháng cáo, sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn trừ số tiền 225.811.000 đồng vào số tiền còn phải thanh toán cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của phía nguyên đơn và bị đơn, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự có cơ sở để xác định như sau:

[4] Hợp đồng thi công số 008-17/HĐTC/TRI-L16 ngày 03/7/2017 và các Phụ lục đã ký kết giữa Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X và Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T (gọi tắt là Hợp đồng) có hình thức và nội dung không vi phạm điều cấm, phù hợp với quy định của Luật Xây dựng, được các bên thừa nhận, nên phát sinh hiệu lực. Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ việc thực hiện Hợp đồng nên căn cứ để giải quyết tranh chấp của các bên trong vụ án

là các thỏa thuận tại Hợp đồng, Luật Xây dựng năm 2014 và các quy định của pháp luật trong hoạt động xây dựng mà Hợp đồng thuộc phạm vi và đối tượng điều chỉnh.

[5] Xét kháng cáo của Công ty Kiến trúc T không đồng ý tính lại khối lượng công việc tăng/giảm theo thực tế vì cho rằng Hợp đồng giữa các bên là “trộn gói” theo quy định tại khoản 8.1 Điều 8 nên không đồng ý giảm trừ khối lượng đá ốp tường ngoài tầng trệt (thi công thực ít hơn hợp đồng là 132,83m² tương đương số tiền 225.811.000 đồng) và giảm trừ đá chỉ đầu cửa không thi công (giá trị theo bảng báo giá chi tiết kèm hợp đồng là 66.000.000 đồng) để đưa vào hồ sơ quyết toán với số tiền phát sinh giảm là 291.811.000 đồng như quyết định của bản án sơ thẩm.

[6] Phía Công ty X cho rằng thỏa thuận “hợp đồng trộn gói” trong Hợp đồng là có điều kiện, việc Công ty Kiến trúc T thi công ít hơn khối lượng trong Bảng báo giá dự toán (đối với hạng mục ốp đá) và không thi công hạng mục đá chỉ đầu cửa là thuộc trường hợp có “*thay đổi hạng mục thi công theo dự toán*” được quy định tại khoản 8.1 Điều 8 và “*có sự thay đổi..., nội dung thi công nêu trong bảng dự toán; thay đổi về thay đổi về khối lượng thi công...*” được quy định tại Điều 9 Hợp đồng, nên bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng.

[7] Hội đồng xét xử nhận thấy: khoản 8.1 Điều 8 Hợp đồng các bên thỏa thuận về hình thức hợp đồng như sau: “*Hợp đồng là trộn gói (nếu bên A - công ty X) không điều chỉnh thiết kế, không thay đổi vật liệu hoàn thiện, không thay đổi biện pháp thi công và hạng mục thi công theo dự toán đính kèm thì bên B (công ty T) có trách nhiệm hoàn thành và bàn giao công trình đúng hồ sơ thiết kế ...*”; tại Điều 9 Hợp đồng quy định điều chỉnh giá hợp đồng trong các trường hợp: “*1. Có sự thay đổi về chủng loại vật tư, máy móc thiết bị, biện pháp thi công, nội dung thi công nêu trong bảng dự toán); thay đổi về khối lượng thi công (thay đổi bản vẽ thiết kế so với thiết kế do Cityland ban hành); 2. Tất cả hạng mục nằm ngoài hợp đồng (dự toán đính kèm) được xem là hạng mục phát sinh...*”. Như vậy, nội dung thỏa thuận “*hợp đồng là trộn gói*” trong Hợp đồng là chưa rõ ràng dẫn đến các bên có cách hiểu khác nhau.

[8] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đồng quan điểm với ý kiến của Công ty Kiến trúc T đề nghị căn cứ nội dung được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 62 Luật Đấu thầu để giải thích cho hợp đồng trộn gói mà các bên ký với nhau, từ đó xác định “*Hợp đồng trộn gói là hợp đồng có giá cố định trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng... Tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng đúng giá ghi trong hợp đồng*” và căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 15 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định: “*a) Giá hợp đồng trộn gói là giá hợp đồng không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với khối lượng các công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện*”. Do vậy, Công ty Kiến trúc T chỉ có nghĩa vụ thực hiện đúng về số lượng (hạng mục) và chất lượng những công việc đã được ghi trong dự toán mà không tính lại khối lượng

chi tiết của từng hạng mục. Hội đồng xét xử nhận thấy lập luận này không phù hợp bởi lẽ đối chiếu với quy định về phạm vi và đối tượng điều chỉnh tại Điều 1, Điều 2 Luật Đấu thầu và tại Điều 1 Nghị định 37/2015/NĐ-CP thì phạm vi và đối tượng điều chỉnh là đối với những hợp đồng xây dựng của cơ quan nhà nước hoặc có sử dụng vốn nhà nước; chỉ “*Khuyến khích các tổ chức, cá nhân liên quan đến hợp đồng xây dựng thuộc các dự án đầu tư xây dựng sử dụng các nguồn vốn khác áp dụng quy định tại Nghị định này*”. Do Hợp đồng các bên không thuộc phạm vi và đối tượng điều chỉnh và các bên cũng không lựa chọn áp dụng quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định 37/2015/NĐ-CP khi giao kết hợp đồng, nên không thể căn cứ quy định của Luật Đấu thầu và Nghị định 37 để giải thích cho Hợp đồng của các bên hoặc làm căn cứ để giải quyết tranh chấp của các bên.

[9] Như vậy nội dung “*hợp đồng là trọn gói*” thuộc trường hợp cần giải thích theo quy định của Bộ luật Dân sự 2015. Cụ thể Điều 404 Bộ luật Dân sự quy định: “1. *Khi hợp đồng có điều khoản không rõ ràng thì việc giải thích điều khoản đó không chỉ dựa vào ngôn từ của hợp đồng mà còn phải căn cứ vào ý chí của các bên được thể hiện trong toàn bộ quá trình trước, tại thời điểm xác lập, thực hiện hợp đồng*; 2. *Khi hợp đồng có điều khoản hoặc ngôn từ có thể hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau thì phải giải thích theo nghĩa phù hợp nhất với mục đích, tính chất của hợp đồng*; 3. *Khi hợp đồng có điều khoản hoặc ngôn từ khó hiểu thì phải được giải thích theo tập quán tại địa điểm giao kết hợp đồng*; 4. *Các điều khoản trong hợp đồng phải được giải thích trong mối liên hệ với nhau, sao cho ý nghĩa của các điều khoản đó phù hợp với toàn bộ nội dung hợp đồng*; 5. *Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa ý chí chung của các bên với ngôn từ sử dụng trong hợp đồng thì ý chí chung của các bên được dùng để giải thích hợp đồng*; 6. *Trường hợp bên soạn thảo đưa vào hợp đồng nội dung bất lợi cho bên kia thì khi giải thích hợp đồng phải theo hướng có lợi cho bên kia.*”

[10] Tại phiên tòa phía công ty X giải thích cách hiểu “*hợp đồng trọn gói*” là trong trường hợp không có bất kỳ sự thay đổi nào trong Hợp đồng và trong Bảng dự toán chi tiết đính kèm với Hợp đồng, đối với thay đổi về hạng mục thi công và thay đổi về tăng/giảm khối lượng thi công thì phải tính lại theo thực tế. Phía công ty Kiến trúc T giải thích cách hiểu “*Hợp đồng trọn gói là hợp đồng có giá cố định trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng*” do đó đối với những nội dung (hạng mục) được nêu trong bảng báo giá chi tiết mà công ty Kiến trúc T có thi công thì phải được tính theo giá đã ghi theo từng hạng mục mà không được xét lại khối lượng chi tiết.

[11] Hội đồng xét xử nhận thấy Hợp đồng và các Bảng dự toán chi tiết là do phía công ty Kiến trúc T soạn thảo để làm cơ sở xác định giá Hợp đồng khi giao kết, theo Bảng dự toán thì hạng mục “*Cung cấp lắp đặt đá cho mặt tường tầng trệt*” có: khối lượng 297,1 m²; đơn giá vật tư 1.450.000 đồng/m²; đơn giá nhân công là 250.000 đồng/m²; thành tiền là 505.070.000 đồng. Nên việc giải thích theo cách hiểu của công ty Kiến trúc T là có lợi cho công ty Kiến trúc T vì thực tế thi công chỉ có 164,27m² (ít hơn 132,83m²) nhưng vẫn được trả đầy đủ

tiền, và thiệt thòi cho công ty X vì phải tiền cho những công việc không có. Do vậy, căn cứ khoản 6 Điều 404 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “*Trường hợp bên soạn thảo đưa vào hợp đồng nội dung bất lợi cho bên kia thì khi giải thích hợp đồng phải theo hướng có lợi cho bên kia*” và nguyên tắc thiện chí, trung thực, bình đẳng trong giao dịch dân sự nói chung và trong giao kết hợp đồng xây dựng được quy định tại khoản 2 Điều 138 Luật Xây dựng, Hội đồng xét xử chấp nhận cách giải thích của công ty X. Công ty X yêu cầu phải tính khối lượng phát sinh giảm đối với hạng mục đá ốp tường và hạng mục đá chỉ đầu cửa để trừ vào giá trị phải thanh toán của Hợp đồng là có cơ sở, bản án sơ thẩm đã tuyên chấp nhận các yêu cầu của công ty X xác định số tiền phát sinh giảm phải đưa vào hồ sơ quyết toán là 291.811.000 đồng là phù hợp. Kháng cáo của công ty Kiến trúc T về nội dung này không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[12] Xét kháng cáo của Công ty Kiến trúc T đề nghị chấp nhận các yêu cầu phản tố buộc công ty X thanh toán số tiền 300.869.800 đồng và tiền lãi phạt chậm thanh toán là 58.465.628 đồng.

[13] Theo Bảng quyết toán tổng hợp các phát sinh tăng/giảm số 008-17/BGTC/TRI-L16 ngày 30/12/2019 do phía công ty Kiến trúc T lập và được công ty X chấp nhận, qua đó tổng giá trị Hợp đồng được điều chỉnh tăng là 2.931.686.012 đồng so với giá trị Hợp đồng ban đầu là 2.556.549.930 đồng. Các bên xác nhận công ty X đã thanh toán số tiền 2.630.816.212 đồng, công ty T đã xuất hóa đơn VAT đối với số tiền 2.630.816.212 đồng. Số tiền còn lại là 300.869.800 đồng công ty X không tiếp tục thanh toán do chưa được công ty Kiến trúc T chấp nhận khối lượng phát sinh giảm. Tại cấp sơ thẩm phía công ty X đã thừa nhận nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền 300.869.800 đồng, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ghi nhận đồng thời căn trừ vào số tiền phát sinh giảm là 291.811.000 đồng từ đó buộc công ty X phải tiếp tục thanh toán cho công ty Kiến trúc T số tiền 9.058.800 đồng là phù hợp do vậy Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giữ nguyên phần quyết định này của bản án sơ thẩm.

[14] Do giữa các bên có tranh chấp về số tiền còn lại mà công ty X phải thanh toán nên công ty X đã khởi kiện, đồng thời qua giải quyết Tòa án đã chấp nhận yêu cầu khởi của công ty X do vậy công ty X không có vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với công ty Kiến trúc T. Bản án sơ thẩm không chấp nhận phần yêu cầu của công ty Kiến trúc T yêu cầu công ty X trả tiền lãi phạt chậm thanh toán là phù hợp nên giữ nguyên.

[15] Đối với các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[16] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 148, Điều 293, khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 404 Bộ luật Dân sự; Điều 306 Luật Thương mại; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X đối với bị đơn Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T: Bị đơn Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T phải tính phát sinh giảm vào Bảng tổng hợp giá trị phát sinh của Hồ sơ quyết toán; khấu trừ khối lượng đá ốp tường ngoài tầng trệt (thi công thực ít hơn hợp đồng là 132,83m² tương đương số tiền 225.811.000 đồng), khấu trừ đá chỉ đầu cửa (không thi công theo hợp đồng là 66.000.000 đồng); tổng cộng số tiền phát sinh giảm phải đưa vào hồ sơ quyết toán là 291.811.000 đồng. Số tiền còn lại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X phải thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T là (300.869.800đ – 291.811.000đ) = 9.058.800 (chín triệu, không trăm năm mươi tám ngàn, tám trăm) đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T phải có văn bản xin lỗi đối với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X vì đã có hành vi gửi văn bản đòi nợ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X đến Công ty Cổ phần Thương mại Thế Giới H, làm ảnh hưởng uy tín của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X trong kinh doanh và yêu cầu công ty T gửi văn bản đính chính và xin lỗi tới các Công ty, địa điểm mà trước đây Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T đã gửi thư đòi nợ.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T đối với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X: Buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X phải thanh toán cho Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T số tiền là 9.058.800 (chín triệu, không trăm năm mươi tám ngàn, tám trăm) đồng. Ngay sau khi công ty X thanh toán số tiền 9.058.800 (chín triệu, không trăm năm mươi tám ngàn, tám trăm) đồng, công ty T phải xuất hóa đơn VAT cho công ty X đối với số tiền này.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T đối với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X phải chịu tiền lãi do chậm thanh toán theo là 58.465.628 (năm mươi tám triệu, bốn trăm sáu mươi lăm ngàn, sáu trăm hai mươi tám) đồng.

5. Căn cứ theo Hợp đồng thi công số 008-17/HĐTC/TRI-L16 ngày 03/7/2017, Công ty Kiến trúc T phải hoàn thành hồ sơ quyết toán thanh lý hợp

đồng theo Điều 21 hợp đồng; các bên phải thực hiện thanh quyết toán theo hợp đồng thi công và quy định pháp luật.

6. Về án phí: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.000.000 (sáu triệu) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0032539 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, hoàn lại cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X số tiền chênh lệch theo biên lai này là 34.658.000 (ba mươi bốn triệu, sáu trăm năm mươi tám ngàn) đồng. Hoàn lại cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0032538 ngày 03/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7.

Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 17.513.831 (mười bảy triệu, năm trăm ba mươi một ngàn, tám trăm ba mươi một) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.888.000 (tám triệu, tám trăm tám mươi tám ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0032896 ngày 28/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T tiếp tục nộp án phí số tiền 8.625.831 (tám triệu, sáu trăm hai mươi lăm ngàn, tám trăm ba mươi một) đồng.

7. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X phải chịu (theo Phiếu thu số 35 ngày 09/7/2020); công ty X đã nộp đủ.

8. Chi phí kiểm định công trình 28.600.000 (hai mươi tám triệu, sáu trăm ngàn) đồng; Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X chịu 14.300.000 (mười bốn triệu, ba trăm ngàn) đồng, Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T chịu 14.300.000 (mười bốn triệu, ba trăm ngàn) đồng. Do nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X đã nộp tạm ứng chi phí này (theo Phiếu thu số PT-0414 ngày 04/12/2020) nên bị đơn Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T phải hoàn lại cho Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X số tiền 14.300.000 (mười bốn triệu, ba trăm ngàn) đồng.

9. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án: Của Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T (đối với khoản tiền công ty X phải trả cho công ty T), của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X (đối với khoản tiền công ty T phải trả cho công ty X) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả cho nhau; Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ X còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành, tương ứng với thời gian chậm thi hành, theo mức lãi suất quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

10. Về án phí phúc thẩm: Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc T phải chịu số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2021/0014344 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.7;
- Chi cục THADS Q.7;
- Cục THADS TP.Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thanh Nhàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Bích Thảo Vũ Thị Hường

Ngô Thanh Nhàn